

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4249/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2016*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập,  
giảm nghèo bền vững cho người dân trên địa bàn huyện Cần Giờ  
giai đoạn 2016 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Căn cứ Công văn số 238/VPĐP-KHTH ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về xem xét công nhận huyện Cần Giờ

đạt chuẩn nông thôn mới.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ tại Tờ trình số 2779/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2016 về phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập giảm nghèo bền vững cho người dân trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020; ý kiến đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1759/TTr-NNPTNT-KHĐT ngày 19 tháng 7 năm 2016 về phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020 theo như đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1759/TTr-NNPTNT-KHĐT ngày 19 tháng 7 năm 2016 (*theo nội dung Đề án đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Quy hoạch-Kiến trúc, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Y tế, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Cần Giờ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐỀ ÁN

**Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững  
cho người dân trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4249/QĐ-UBND*

*ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

## I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GẮN VỚI GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

### 1. Cơ sở thực tiễn

Trong 05 năm qua, kinh tế huyện Cần Giờ có bước phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá, bình quân 10%/năm, cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch đúng hướng, phát huy lợi thế tiềm năng của huyện; các nguồn lực xã hội được phát huy, kết cấu hạ tầng kỹ thuật từng bước được hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện, góp phần thực hiện tốt mục tiêu giảm hộ nghèo trên địa bàn; tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái rừng ngập mặn được quản lý, bảo vệ tốt, tạo môi trường cảnh quan thúc đẩy ngành du lịch sinh thái phát triển; quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

#### 1.1. Về phát triển kinh tế:

1.1.1. *Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:* Thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất từng bước nâng cao năng suất, chất lượng; chuyển đổi có hiệu quả đất nông nghiệp có năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản; cơ cấu sản phẩm trong nội bộ các ngành có sự chuyển dịch theo hướng tăng sản lượng các sản phẩm có giá trị. Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp đạt bình quân 2.000 tỷ đồng/năm, tăng 11,1%/năm. Giá trị sản xuất bình quân bình quân đạt gần 300 triệu đồng/ha, tăng 13%/năm giai đoạn 2010 - 2015.

\* *Sản xuất thủy sản* là ngành kinh tế chủ lực, trong đó lĩnh vực nuôi trồng đối tượng nuôi chủ lực là con tôm, nghêu, hào. Ngoài ra một số đối tượng nuôi mới được phát triển: cua, cá chẽm, ốc hương đã tạo sản phẩm thủy sản phong phú.

- Về nuôi tôm: Có sự chuyển đổi đối tượng, mô hình sản xuất, từ nuôi tôm sú sang nuôi tôm thẻ chân trắng; diện tích nuôi mô hình thâm canh ngày càng tăng. Giai đoạn 2010 - 2015, nhiều mô hình nuôi tôm thâm canh được triển khai như: mô hình nuôi tôm theo quy trình VietGAP, nuôi tôm theo công nghệ Việt Úc, nuôi tôm hữu cơ. Hàng năm, diện tích mặt nước thả nuôi trên 6.000 ha, trong đó: mô hình nuôi thâm canh 2.500 ha, nuôi luân canh tôm - lúa, tôm - muối là 536 ha, còn lại là nuôi tôm quảng canh cải tiến. Năm 2015 diện tích nuôi tôm sú 3.252 ha, giảm 1.489 ha so năm 2010 (năm 2010 là 4.741 ha); nuôi tôm thẻ 2.039 ha, tăng 758,5 ha. Diện tích nuôi thâm canh 2.542 ha (tăng 789 ha so năm 2010). Sản lượng thu hoạch trên 12.000 tấn/năm (tăng 5,4% năm), năng suất bình quân nuôi tôm trên ao là 4 tấn/năm (tăng 2,2%/năm).

- Nuôi nhuyễn thể, đối tượng chủ lực là nghêu, sò, ốc hương và hào tập trung chủ yếu tại thị trấn Cần Thạnh, Long Hòa, Thạnh An và Lý Nhơn. Diện tích mặt nước bãi bồi ven sông, ven biển thả nuôi nhuyễn thể là 1.122 ha; trong đó nuôi nghêu, sò: 939 ha, nuôi hào: 183 ha. Sản lượng bình quân 9.800 tấn/năm, tăng 36,4%/năm, trong đó, mô hình nuôi hào phát triển mạnh (diện tích hiện tại, sản lượng đạt bình quân trên 5.400 tấn/năm, tăng 56%/năm). Ngoài ra các đối tượng nuôi thủy hải sản khác là nuôi cua, nuôi cá chêm, cá dứa, cá bớp, diện tích khoảng 100 ha. Sản lượng bình quân 275 tấn/năm.

- Khai thác thủy sản: Còn gặp nhiều khó khăn do trữ lượng thủy sản ngày càng giảm, các phương tiện đánh bắt có công suất nhỏ, ngư trường hoạt động chủ yếu gần bờ, ven bờ. Đến cuối năm 2015, toàn huyện có 41 phương tiện khai thác công suất trên 90CV và 1.009 phương tiện khai thác ven bờ. Ngư trường hoạt động chủ yếu ven bờ, các kênh rạch trên địa bàn huyện Cần Giờ. Sản lượng khai thác bình quân 20.000 tấn/năm. Nghề đánh bắt xa bờ phát triển chậm, hoạt động không thường xuyên, hiệu quả thấp. Đánh bắt ven bờ hoạt động thường xuyên và có hiệu quả; cung cấp ổn định nguồn thủy sản tiêu thụ hàng ngày và nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến; nhiều phương tiện sau thời gian hoạt động có tích lũy, đã đầu tư nâng cấp, cải tạo phương tiện, máy móc và thay đổi công cụ đánh bắt phù hợp với thời vụ khai thác.

\* Sản xuất nông nghiệp: Chủ yếu ở lĩnh vực chăn nuôi, đặc biệt là mô hình nuôi chim yến lấy tổ. Hiện nay, toàn huyện có 231 nhà nuôi chim yến; trong đó có 138 căn cho thu hoạch. Sản lượng thu hoạch bình quân 2,5 tấn/năm, tăng bình quân 61%/năm, đóng góp trên 90% giá trị của lĩnh vực chăn nuôi. Trồng trọt sản phẩm chủ lực là cây ăn trái (xoài) với diện tích 235 ha tập trung chủ yếu tại thị trấn Cần Thạnh và xã Long Hòa; trong đó trồng xoài theo quy trình VietGAP là 13,8 ha năng suất bình quân từ 7

- 8 tấn/ha. Diện tích gieo trồng lúa không đáng kể (năm 2015 đưa vào sản xuất 445 ha) và chủ yếu là 01 vụ lúa mùa theo mô hình luân canh tôm - lúa; năng suất bình quân 3 tấn/ha, hiệu quả sản xuất thấp.

\* *Lâm nghiệp*: thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng với diện tích 35.286 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 47,3%; tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất dưới tán rừng. Công tác phối hợp quản lý, bảo vệ rừng giữa các địa bàn giáp ranh được duy trì thường xuyên, kết hợp với việc phát huy vai trò của tổ tự quản trong việc bảo vệ rừng; việc nâng mức tiền công nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng đã giúp cho đời sống của các hộ giữ rừng được cải thiện, ổn định; các hoạt động du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ ngày càng phát triển.

#### *1.1.2. Tiểu thủ công nghiệp, diêm nghiệp:*

- Toàn huyện, có 279 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giải quyết 750 lao động, trong đó có 70 cơ sở chế biến thủy sản, 31 cơ sở may, 8 cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm tổ yến, còn lại là các ngành nghề khác. Sản phẩm chủ yếu là may gia công, sản phẩm chế biến, sản phẩm muối; một số sản phẩm chế biến đã khẳng định thương hiệu (khô cá dứa, yến sào).

- Nghề sản xuất muối có sự chuyển đổi mô hình từ sản xuất muối truyền thống sang sản xuất theo phương thức kết tinh trên ruộng trái bạt, góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Làng nghề muối xã Lý Nhơn được Thành phố công nhận đạt tiêu chuẩn Làng nghề truyền thống. Hàng năm, diện tích đưa vào sản xuất khoảng 1.500 ha, trong đó có trên 1.000 ha sản xuất theo mô hình trái bạt. Năng suất thu hoạch đạt 80 tấn/ha, tăng 3,5%/năm. Tuy nhiên do giá muối tiêu thụ không ổn định nên người làm muối còn gặp nhiều khó khăn.

#### *1.1.3. Thương mại, dịch vụ, du lịch:*

\* *Thương mại, dịch vụ*: Toàn huyện có 9 chợ truyền thống; 01 siêu thị (Coop Mart Cần Giờ), 27 điểm bán hàng bình ổn thị trường và gần 4.000 hộ kinh doanh cá thể, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân; trong đó có 46 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất, 34 cơ sở đầu mối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hoạt động của siêu thị và các cửa hàng tiện ích, của hàng bình ổn thị trường đã hình thành hình thức mua sắm văn minh, hiện đại, góp phần cung ứng hàng hóa chất lượng với giá cả ổn định. Chương trình bình ổn thị trường được triển khai có hiệu quả góp phần thực hiện tốt chủ trương kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội, đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân, nhất là người nghèo, người lao động khó khăn.

\* *Du lịch*: Sản phẩm từng bước phát triển, *du lịch đường sông* đã đưa vào khai thác 02 tuyến kết hợp các tour du lịch khám phá hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ; tuor chèo thuyền kayak. *Du lịch sinh thái biển* với 03 doanh nghiệp kinh doanh (Khu du lịch sinh thái biển Hòn Ngọc Phương Nam, Công ty du lịch sinh thái biển Tiếng Sóng, Công ty Du lịch sinh thái Cần Giờ và 10 tổ chức, cá nhân và 01 chợ hải sản kinh doanh phục vụ du lịch biển. *Du lịch sinh thái rừng* với cảnh quan thiên nhiên và nhiều địa điểm đáp ứng nhu cầu tham quan của du khách như: Tràm Chim, Đầm Dơi; Vàm Sát, Lâm Viên, Di tích lịch sử căn cứ Rừng Sác hàng năm thu hút khoảng 200.000 lượt khách đến tham quan. *Du lịch văn hóa, tín ngưỡng* với Lễ hội truyền thống ngư dân Cần Giờ (Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia), Khu Di tích lịch sử Căn cứ Rừng Sác Cần Giờ (Di tích lịch sử cấp Quốc gia) ngày càng thu hút đông đảo du khách đến tham quan. *Du lịch sinh thái nông nghiệp* gắn phát triển sản xuất nông nghiệp, các ngành nghề, làng nghề với dịch vụ du lịch. Đến nay, các sản phẩm thủy hải sản, trái cây đặc trưng của huyện như xoài, măng cầu, khô cá dứa... được nhiều du khách biết đến và ưa chuộng làm quà biếu khi du lịch đến Cần Giờ.

Trên địa bàn huyện Cần Giờ có 7 doanh nghiệp lữ hành hoạt động; 17 cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú với 405 phòng (trong đó có 150 phòng đạt tiêu chuẩn 3 sao, 28 phòng đạt tiêu chuẩn 1 sao). Cơ sở lưu trú phục vụ du lịch phần lớn phục vụ du khách vào những ngày cuối tuần và các ngày Lễ, Tết. Trong 05 năm qua, huyện Cần Giờ đã thu hút khoảng 2.368.406 lượt khách đến tham quan nghỉ dưỡng, tăng bình quân 9,8%/năm, doanh thu đạt 483,3 tỷ đồng/năm, tăng bình quân 18,4%/năm.

### ***1.2. Về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân:***

- Từ năm 1992 đến năm 2015, cùng với thành phố, huyện Cần Giờ đã triển khai, thực hiện Chương trình giảm nghèo qua 4 giai đoạn và 07 lần điều chỉnh nâng mức chuẩn thu nhập hộ nghèo, hộ cận nghèo. Chương trình giảm nghèo được xác định là Chương trình trọng điểm của huyện, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tập trung thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn về giảm nghèo. Từ đó, thu nhập và chất lượng cuộc sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo dần được nâng lên, góp phần hoàn thành mục tiêu Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá giai đoạn 2014 - 2015 (Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ X năm 2010 - 2015). Năm 2014, huyện Cần Giờ triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá giai đoạn 4 (2014 - 2015) chuẩn nghèo

thu nhập bình quân 16 triệu đồng/người/năm trở xuống; hộ cận nghèo thu nhập bình quân trên 16 - 21 triệu đồng/người/năm.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn góp phần tăng thu nhập cho nông dân được thực hiện thông qua tổ chức tư vấn về dạy nghề và xuất khẩu lao động, Trung tâm Dạy nghề mở rộng liên kết các trường trên địa bàn Thành phố tổ chức tư vấn, hướng nghiệp cho người dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện triển khai các chủ trương, chính sách về công tác đào tạo nghề, Huyện đoàn phối hợp các trường trên địa bàn thành phố tổ chức hướng nghiệp cho đoàn viên, các ngành có liên quan tổ chức tập huấn về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cho người sản xuất. Hàng năm, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nâng cao tay nghề cho trên 3.500 lao động/năm; định hướng nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho trên 4.000 lao động/năm, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,8%, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên toàn huyện đạt 93,3%.

- Công tác giảm nghèo, tăng hộ khá được thực hiện đồng bộ với các chính sách an sinh xã hội; triển khai nhiều giải pháp tích cực, quan tâm chăm lo về vật chất và tinh thần cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng, hộ gia đình nghèo, cận nghèo thoát nghèo bền vững, thực hiện tốt phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Song song với phát triển kinh tế, hỗ trợ vốn vay từ Quỹ Vì Người nghèo và Ngân hàng Chính sách - Xã hội cho các hộ nghèo phát triển sản xuất; nâng cao thu nhập cho người dân, nhiều giải pháp giảm hộ nghèo, tăng hộ khá được huyện tập trung thực hiện gắn với đẩy mạnh công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; công tác chăm lo cho người nghèo, gia đình chính sách, có công được thực hiện đồng bộ, góp phần nâng cao mức sống của người dân và đảm bảo an sinh xã hội, như: tổ chức chăm lo cho hộ gia đình nghèo, tặng học bổng cho các học sinh nghèo, khó khăn; thực hiện các chính sách miễn giảm học phí cho học sinh nghèo; tổ chức cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, góp phần ổn định đời sống, sinh hoạt của nhân dân. Trước khi xây dựng Đề án nông thôn mới, tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí 12 triệu đồng/năm là 43,63% (năm 2010).

Trong 2 năm (2014 - 2015), huyện Cần Giờ có 9.920 lượt hộ nghèo, cận nghèo có mức thu nhập được nâng lên, có 4.817 hộ vượt nghèo (thu nhập trên 16 triệu đồng/người/năm), trong đó hộ nghèo thuộc diện chính sách có công giảm từ 206 hộ còn 32 hộ; tỷ lệ hộ nghèo thu nhập từ 16 triệu đồng/người/năm trở xuống giảm từ 41,67% (7.484 hộ) xuống còn 14,48% (2.644 hộ) trên tổng số hộ dân 18.262 hộ (bình quân mỗi năm giảm trên 13% hộ nghèo). Hộ cận nghèo có 2.318 hộ thu nhập vượt trên 21 triệu đồng/người/năm còn 3.450 hộ (chiếm 18,89%).

- Đến cuối năm 2015, huyện Cần Giờ không còn hộ nghèo theo chuẩn Quốc gia. Căn cứ Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố; theo đó đối với các xã xây dựng nông thôn mới đến cuối năm 2015 chưa đạt tỷ lệ hộ nghèo < 3% (theo chuẩn thu nhập bình quân đầu người 16 triệu đồng/người/năm) thì phấn đấu mỗi năm giảm bình quân từ 4 - 5% mới đạt tiêu chí hộ nghèo.

- Từ đầu năm 2016, Thành phố Hồ Chí Minh nâng mức chuẩn nghèo mới đa chiều, toàn huyện có 7.280 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 39,86% và hộ cận nghèo có 2.464 hộ, chiếm tỷ lệ 13,49% tổng hộ dân; cụ thể như sau:

+ *Hộ nghèo*: được phân ra làm 3 nhóm:

. Hộ nghèo nhóm 1: Có 1.172 hộ thu nhập bình quân đầu người từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt các chiều xã hội từ 40 điểm trở lên.

. Hộ nghèo nhóm 2: Có 5.796 hộ thu nhập bình quân đầu người từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt các chiều xã hội dưới 40 điểm trở xuống (từ 0-35 điểm).

. Hộ nghèo nhóm 3: Toàn huyện có 312 hộ/18.262 hộ, chiếm 1,7%; và được phân thành 2 nhóm:

Nhóm 3a: Có 232 hộ thu nhập bình quân đầu người trên 21 triệu đồng/người/năm đến 28 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt các chiều xã hội từ 40 điểm trở lên.

Nhóm 3b: Có 80 hộ thu nhập bình quân đầu người trên 28 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt các chiều xã hội từ 40 điểm trở lên.

+ *Hộ cận nghèo*: Hộ có mức thu nhập từ trên 21 triệu đồng/người/năm đến 28 triệu đồng/người/năm và có tổng số điểm thiếu hụt các chiều xã hội dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm).

### ***1.3. Những khó khăn:***

- Tăng trưởng kinh tế chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (đạt 10%/năm so với chỉ tiêu 13%/năm).



- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm, chất lượng chuyển dịch chưa bền vững; sản xuất thủy sản, nông nghiệp, diêm nghiệp còn nhiều khó khăn, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi còn diễn ra hàng năm và phụ thuộc vào giá cả thị trường đầu ra nên thu nhập người sản xuất không ổn định; khai thác thủy sản chủ yếu ven bờ, công suất thấp.

- Các ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chưa phát triển, quy mô nhỏ. Các loại hình dịch vụ, du lịch chưa phát triển mạnh, sản phẩm du lịch còn đơn điệu.

- Nguồn lực đất đai, tài nguyên môi trường chưa được khai thác tối đa nhằm phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện; công tác quy hoạch ngành còn chậm (quy hoạch phát triển thủy sản, quy hoạch nuôi chim yến) dẫn đến sự phát triển một cách tự phát.

- Kết cấu hạ tầng dịch vụ du lịch, hạ tầng phục vụ sản xuất triển khai chưa đồng bộ có ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Nguồn nhân lực chưa qua đào tạo còn chiếm tỉ lệ cao; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tuy được nâng lên nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thu nhập dân cư thấp so với mặt bằng chung của thành phố, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới của Thành phố Hồ Chí Minh còn cao.

#### ***1.4. Nguyên nhân:***

- Đặc thù của địa phương về điều kiện tự nhiên cách xa trung tâm Thành phố nên việc kêu gọi, thu hút đầu tư vào huyện gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn lực đầu tư phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn phân bổ của Thành phố; xuất phát điểm về kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ thấp, đời sống nhân dân còn khó khăn.

- Sản xuất nông nghiệp, thủy sản vẫn là ngành sản xuất chủ lực của huyện Cần Giờ nhưng rủi ro cao và phụ thuộc rất lớn vào điều kiện tự nhiên, thời tiết và thị trường đầu vào, đầu ra sản phẩm nên thu nhập của người dân không ổn định ảnh hưởng đến tính bền vững của tiêu chí thu nhập.

- Tập quán sản xuất của người dân còn mang tính chất sản xuất truyền thống, nhỏ lẻ, manh mún, tính liên kết theo mô hình hợp tác chưa cao, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và kết nối thị trường tiêu thụ chưa được đẩy mạnh.

- Các quy hoạch ngành chậm triển khai; cơ sở hạ tầng đầu tư chưa đồng bộ có ảnh hưởng đến phát triển sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là hạ tầng phục vụ phát triển du lịch và hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất.

## **2. Cơ sở pháp lý**

- Công văn số 238/VPĐP-KHTH ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương về xét công nhận huyện Cần Giờ đạt chuẩn nông thôn mới;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020;

- Quyết định số 4766/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt điều chỉnh Đồ án quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ.

- Quyết định số 2357/QĐUBND ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) của huyện Cần Giờ;

- Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Quy hoạch vùng nuôi tôm thẻ chân trắng trên địa bàn Thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 5765/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Đề án quy hoạch sản xuất muối trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (huyện Cần Giờ) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án “Bảo tồn và phát triển làng nghề tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020”;

- Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Đề án “tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ giai đoạn 2016 - 2020;

- Chương trình hành động số 06-CTrHĐ/HU ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện cần Giờ.

## **II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

### **1. Mục tiêu**

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trên cơ sở đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ du lịch sinh thái; phát triển nông nghiệp đô thị, đầu tư thâm canh, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; phát huy giá trị khu Dự trữ sinh quyển thế giới, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, góp phần nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

### **2. Chỉ tiêu cụ thể**

**2.1.** Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 13%/năm; trong đó:

- Khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng bình quân 10,6%/năm.
- Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 10%/năm.
- Khu vực dịch vụ tăng bình quân 15,5%/năm.

**2.2.** Phần đầu đến cuối năm 2020, giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp đạt trên 500 triệu đồng/ha.

**2.3.** Phần đầu đến cuối năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt từ 63 triệu đồng/người/năm trở lên.

**2.4.** Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố Hồ Chí Minh bình quân từ 6 - 7%/năm.

**2.5.** Phần đầu đến cuối năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc đạt từ 85 - 90%.

**2.6.** Hàng năm, giải quyết việc làm mới cho 1.200 lao động, phần đầu đến cuối năm 2020, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt 95%.

**2.7.** Phát triển ít nhất 3 hợp tác xã tiên tiến, hiện đại trong lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ, chế biến.

**2.8.** Xây dựng ít nhất 3 nhãn hiệu hàng hóa tập thể cho các sản phẩm đặc trưng Cần Giờ (khô cá dứa, xoài, sản phẩm tổ yến).

**2.9.** Phân đầu đến năm 2020, huyện Cần Giờ phân đầu đón trên 1,6 triệu khách du lịch, tăng 20%/năm; doanh thu ngành du lịch đạt 800 tỷ đồng, tăng 25%/năm.

### **3. Nội dung thực hiện**

#### **3.1. Phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân:**

##### *3.1.1. Nông - lâm nghiệp - thủy sản:*

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị; phát triển các mô hình sản xuất thâm canh, ứng dụng công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bền vững; khai thác thế mạnh về thủy sản, nuôi chim yến lấy tổ. Phân đầu đạt mức tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân toàn ngành 11%/năm, chiếm tỷ trọng 36% trong cơ cấu giá trị sản xuất của huyện, trong đó tiếp tục xác định thủy sản vẫn là ngành kinh tế chủ lực.

##### *\* Thủy sản:*

- *Nuôi trồng thủy sản:* Phát triển đối tượng chủ lực là con tôm và nhuyễn thể, cụ thể:

+ Nuôi tôm chủ yếu là tôm thẻ chân trắng và tôm sú tập trung ở 4 xã phía Bắc với diện tích trên 6.200 ha. Phân đầu đến năm 2020, năng suất thu hoạch bình quân các mô hình nuôi tôm trên ao đạt khoảng 6 tấn/ha, tăng 10,2%/năm.

+ Nuôi nhuyễn thể chủ lực là nghêu, sò và hào tập trung chủ yếu ở thị trấn Cần Thạnh, Long Hòa, Thạnh An và Lý Nhơn. Diện tích mặt nước bãi bồi ven sông, ven biển khoảng 1.000 ha. Phát triển các mô hình nuôi lồng bè (nuôi hào, nuôi cá).

+ Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn huyện; phát triển các mô hình nuôi tôm ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến như: công nghệ nuôi tuần hoàn, công nghệ nuôi trong nhà kính, công nghệ nuôi nano, công nghệ xử lý nước (nước thải, nước cấp); quản lý chặt chẽ nghề nuôi thủy sản theo hình thức quảng canh dưới tán rừng để khai thác giá trị từ nguồn tài nguyên thiên nhiên nhưng không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn và pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng của Nhà nước.

+ Nghiên cứu phát triển các mô hình, các đối tượng vật nuôi mới (cua lột, cá dứa, cá chêm, cá đối mực, cá mú...) nhằm đa dạng hóa đối tượng nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên từng xã, trình độ quản lý của nông dân. Hàng năm, tiếp tục nghiên cứu thí điểm, trình diễn từ 01 đến 02 đối tượng, mô hình sản xuất thủy sản; tổ chức

cho người dân học tập các mô hình sản xuất hiệu quả.

+ Giới thiệu, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cho người sản xuất; chuyển giao các tiến bộ, khoa học, công nghệ sản xuất mới; phát triển các mô hình sản xuất theo quy trình VietGAP, sản xuất theo chuỗi liên kết, an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Phối hợp với các cơ quan chuyên ngành nghiên cứu bệnh trên tôm, nghêu, hào và các giải pháp phòng bệnh để giúp người nuôi hạn chế rủi ro trong sản xuất.

+ Kiểm soát nguồn giống thủy sản nhập vào địa bàn huyện thả nuôi; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở sản xuất, thuần dưỡng giống trên địa bàn, đảm bảo cung cấp giống chất lượng cho sản xuất. Phòng chống dịch bệnh trên thủy sản, kiểm tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường vùng nuôi.

+ Triển khai đầu tư 22 công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản. Hỗ trợ triển khai thực hiện dự án đầu tư Khu Nuôi trồng thủy sản công nghệ cao; hoàn chỉnh hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản.

*- Khai thác thủy sản:*

+ Triển khai thực hiện lộ trình và chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi ngành nghề các ngư cụ, phương tiện đánh bắt lạm sát nguồn lợi thủy sản trong sông rạch, rừng phòng hộ Cần Giờ; thực hiện chính sách hỗ trợ nghề khai thác thủy sản theo Nghị định số 67 của Chính phủ để ngư dân đầu tư phương tiện, ngư cụ đánh bắt. Thành lập, phát triển các tổ, đội sản xuất khai thác thủy sản.

+ Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá; đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào khai thác có hiệu quả khu neo đậu tàu thuyền tại huyện; hỗ trợ đầu tư xây dựng Trung tâm Thủy sản của thành phố tại huyện.

+ Hỗ trợ ngư dân trang bị thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển khi có bão, diễn biến thời tiết xấu.

+ Xây dựng thí điểm mô hình đồng quản lý nghề cá nhằm tổ chức quản lý cộng đồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

*\* Sản xuất nông nghiệp:*

- Trồng trọt: Sản phẩm chủ lực là cây ăn trái (xoài) khoảng 150 ha, chủ yếu tại thị trấn Cần Thạnh và xã Long Hòa. Tập trung phát triển xoài theo tiêu chuẩn VietGAP.

+ Phát triển thương hiệu xoài Cần Giờ, bảo tồn và phát triển diện tích trồng xoài theo tiêu chuẩn VietGAP kết hợp du lịch sinh thái nhà vườn.

+ Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn trái; học tập các mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái tại các địa phương.

- Chăn nuôi: Phát triển nghề nuôi chim yến lấy tổ, sơ chế, chế biến sản phẩm tổ yến. Đến năm 2020, có 231 căn cho thu hoạch, sản lượng sản phẩm tổ yến đạt khoảng 10 tấn.

+ Triển khai thực hiện quy hoạch vùng nuôi chim yến trên địa bàn huyện; Phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm tổ yến; xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu yến sào Cần Giờ kết hợp các dịch vụ du lịch.

+ Phát triển các trang trại, cơ sở chăn nuôi tập trung, đảm bảo an toàn sinh học, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP kết hợp dịch vụ du lịch sinh thái.

+ Kiểm soát chặt chẽ tình hình chăn nuôi; đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và dịch bệnh, đảm bảo an toàn dịch tễ cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định.

\* *Diêm nghiệp*: Tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất muối 1.000 ha theo quy hoạch tại Lý Nhơn và Thạnh An.

+ Triển khai các mô hình sản xuất muối tiên tiến để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất. Kết nối thị trường tiêu thụ muối; triển khai các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp đô thị của thành phố.

+ Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh và chế biến muối tại xã Lý Nhơn, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã sản xuất muối Thiềng Liềng xã Thạnh An.

+ Đầu tư 04 công trình giao thông, thủy lợi vùng muối xã Lý Nhơn, Thạnh An; triển khai thực hiện Dự án bảo tồn và phát triển làng nghề muối xã Lý Nhơn; kiến nghị xây dựng kho dự trữ muối Quốc gia.

+ Rà soát và đề nghị điều chỉnh quy hoạch sản xuất muối, xây dựng phương án chuyển đổi diện tích sản xuất ngoài quy hoạch trên địa bàn nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả, đời sống sản xuất người làm muối.

\* *Lâm nghiệp*:

- Quản lý, bảo vệ và phát triển diện tích rừng 35.286 ha, hạn chế đến mức thấp nhất các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng và hệ sinh thái rừng ngập mặn.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến tài nguyên rừng, phòng chống cháy rừng, chuyển hóa phát triển rừng, trồng thêm diện tích bù trừ các công trình có khai thác rừng; quản lý chặt chẽ các hoạt động sản xuất trong rừng.

- Hoàn chỉnh việc xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng tài nguyên, dân sinh kinh tế trong rừng phòng hộ, làm cơ sở cho công tác quản lý và phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội của rừng phòng hộ.

- Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục ý thức cộng đồng về bảo vệ phát triển rừng, quảng bá hình ảnh tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ. Xây dựng các đề án, các tuyến, các tour du lịch, tham quan nhằm khai thác cảnh quan môi trường sinh thái rừng ngập mặn, góp phần phát triển kinh tế.

*\* Phát triển các ngành nghề nông thôn:*

- Phát triển các ngành nghề chế biến thủy sản, chế biến sản phẩm tổ yến, chế biến sản phẩm từ muối; phát triển các loại hình kinh tế trang trại kết hợp du lịch, mô hình du lịch nhà vườn.

- Hỗ trợ các tổ chức cá nhân đầu tư phát triển các trang trại nuôi trồng thủy sản kết hợp du lịch tại xã Bình Khánh, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp, Lý Nhơn; nuôi thủy sản lồng bè kết hợp du lịch tại xã Thạnh An, Long Hòa, Lý Nhơn; nuôi chim yến lấy tổ, sơ chế biến tổ yến kết hợp dịch vụ du lịch tại xã Tam Thôn Hiệp, dịch vụ du lịch nhà vườn khu vực Cần Thạnh - Long Hòa; dịch vụ du lịch trong rừng phòng hộ.

- Phối hợp Sở Du lịch Thành phố kết nối các điểm, các trang trại, các mô hình sản xuất gắn với các đơn vị du lịch lữ hành, hình thành điểm đến phục vụ du lịch; giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

*3.1.2. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề nông thôn giải quyết việc làm cho lao động:*

- Phần đầu đạt mức tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 11%/năm.

- Phát triển các sản phẩm sản xuất chủ yếu, như: chế biến thủy sản, chế biến sản phẩm tổ yến, chế biến muối, góp phần giải quyết việc làm tăng thu nhập cho người lao động và tăng giá trị sản phẩm.

- Xây dựng dự án bảo tồn và phát triển làng nghề muối tại xã Lý Nhơn, các ngành nghề truyền thống về chế biến thủy sản gắn với phát triển các dịch vụ du lịch.

- Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa các sản phẩm đặc trưng Cần Giờ (yến sào Cần Giờ, khô cá dứa Cần Giờ, xoài Cần Giờ, muối Cần Giờ...).

- Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai xây dựng 2 cơ sở may trên địa bàn huyện Cần Giờ với quy mô giải quyết trên 3.000 lao động địa phương.

### 3.1.3. Phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái:

Phần đầu đạt mức tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân toàn ngành đạt 15,5%, chiếm tỷ trọng 44% trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn huyện. Đến năm 2020 lượng du khách đến Cần Giờ đạt khoảng 1,6 triệu, tăng 20%/năm.

- Phát triển các loại hình du lịch sinh thái rừng, sinh thái biển, du lịch đường sông, du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với các làng nghề, ngành nghề sản xuất; phát triển du lịch văn hóa tín ngưỡng gắn với các giá trị truyền thống văn hóa địa phương.

- Xây dựng, phát triển các khu du lịch, điểm du lịch, các loại hình, sản phẩm du lịch, đồng thời kết nối với các tour du lịch từ thành phố và các địa phương giáp ranh để thu hút du khách đến Cần Giờ.

- Phát triển các tuyến du lịch kết nối với các điểm du lịch trên địa bàn huyện Cần Giờ, gồm:

+ Tuyến du lịch đường bộ:

. Phà Bình Khánh - Khu du lịch sinh thái Dân Xây - Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Khu du lịch 30/4 - Lăng Ông Thủy Tướng - Chợ Cần Giờ.

. Phà Bình Khánh - Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - Khu du lịch Phương Nam Cần Giờ - bến đò Đồng Hòa.

+ Tuyến du lịch đường sông:

. Bến đò Phú Xuân - Cừu Long Phi (Tam Thôn Hiệp - Trạm Văn phòng Phân khu 1 (sông Dừa) - Trạm Văn phòng Phân khu 2 (sông Đồng Tranh) - Thiêng Liêng - Giồng Chùa - Đồng Đình - Tác Xuất.

. Bến đò Phú Xuân - Rừng phòng hộ (Dân Xây) - Đầm Dơi - Khu du lịch Vàm Sát (Lý Nhơn).

. Ban Quản lý Rừng phòng hộ - Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - bến đò Đồng Hòa.

+ Tuyến du lịch kết hợp đường bộ và đường sông:

. Phà Bình Khánh - Ban Quản lý Rừng phòng hộ - Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác - bến đò Đồng Hòa - Khu du lịch Hòn Ngọc Phương Nam - Ban Quản lý Rừng phòng hộ - phà Bình Khánh.



. Phà Bình Khánh - Ban Quản lý Rừng Phòng hộ - Tam Thôn Hiệp - Bến đò Tắc Xuất - Lăng Ông Thủy Tướng- Ban Quản lý Rừng Phòng hộ - phà Bình Khánh.

- Xây dựng môi xã, thị trấn một sản phẩm du lịch, ngành nghề, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch; cụ thể:

+ Xã Long Hòa: Tiếp tục nâng cao chất lượng loại hình du lịch nghỉ dưỡng, phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đường sông; du lịch nhà vườn; du lịch sinh thái nông nghiệp tham quan các bè nuôi hào.

+ Xã Lý Nhơn: Phát triển loại hình du lịch trải nghiệm tham quan làng nghề muối, trải nghiệm cảm giác “một ngày làm diêm dân Cần Giờ”; mô hình du lịch sinh thái nông nghiệp, tham quan các trang trại nuôi trồng thủy sản, loại hình câu cá giải trí kết hợp du lịch trên địa bàn xã.

+ Xã An Thới Đông: Kết nối các tuor, tuyến du lịch đường sông trên địa bàn huyện xuất phát từ Khu du lịch sinh thái Dầm Xây. Đồng thời phát triển loại hình du lịch trải nghiệm trồng rừng.

+ Xã Tam Thôn Hiệp: Phát triển mô hình du lịch sinh thái nông nghiệp, tham quan các trang trại nuôi trồng thủy sản; tham quan mô hình nuôi chim yến kết hợp mua sắm sản phẩm được làm từ tổ yến.

+ Xã Bình Khánh: Mô hình du lịch sinh thái nông nghiệp, tham quan mô hình nuôi trồng thủy sản, cơ sở chế biến khô cá sấu.

+ Xã Thạnh An: Phát triển loại hình du lịch trải nghiệm với cánh đồng muối, trải nghiệm cảm giác “một ngày làm diêm dân Cần Giờ”; mô hình du lịch homestay. Đồng thời phát triển xã Thạnh An thành xã đảo du lịch kết nối với khu đô thị lấn biển và núi Giồng Chùa.

+ Thị trấn Cần Thạnh: Phát triển du lịch tín ngưỡng, Lễ hội, tiếp tục nâng chất Lễ hội truyền thống ngư dân Cần Giờ, tập trung đầu tư, tôn tạo, nâng cấp Lăng ông Thủy Tướng. Đồng thời tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao để thu hút khách du lịch.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phát triển không gian kết nối giữa huyện với Trung tâm Thành phố và các tỉnh miền Tây, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để tạo điều kiện phát triển du lịch; nâng cao chất lượng hoạt động các tuyến vận tải đường thủy nội địa hiện hữu; nâng cấp bến phà Bình Khánh - Nhà Bè, đầu tư mới các tuyến phà kết nối Cần Giờ - Vũng Tàu, Cần Giờ - Nhơn Trạch, Cần Giờ - Cần Giuộc, Cần Giờ - Gò Công); kiến nghị đầu tư cầu Bình Khánh - Nhà Bè. Hỗ trợ chủ đầu tư triển khai

dự án đầu tư Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ.

- Đầu tư xây dựng 9 cầu tàu, nhà chờ, bến đỗ phục vụ du lịch đường sông đã được thành phố chấp thuận chủ trương; xây dựng bến xe buýt đạt chuẩn phục vụ du lịch với diện tích 5.000m<sup>2</sup>; xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn huyện Cần Giờ; phát triển loại hình xe buýt phục vụ du lịch; taxi Cần Giờ...

- Phát triển mạng lưới phân phối, hệ thống thương mại mang tính tiện lợi, văn minh, gắn các hoạt động sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

- Tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm thế mạnh của huyện. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng cao.

### ***3.2. Thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững gắn với các chính sách an sinh xã hội:***

\* Tổ chức, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Tổ chức phối hợp lồng ghép có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững vào các chương trình kinh tế - xã hội thường xuyên của các ban ngành, đoàn thể huyện, các xã, thị trấn hàng năm và cả giai đoạn. Các ban ngành, đoàn thể được giao nhiệm vụ theo chức năng của mình chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng các chỉ tiêu, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo theo tỷ lệ chiều nghèo thiếu hụt của người nghèo, lồng ghép vào trong kế hoạch thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện hàng năm và cả giai đoạn (các chỉ tiêu giảm nghèo của xã, thị trấn cũng được lồng ghép vào trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội); đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, đề án xây dựng Chương trình nông thôn mới và chỉ tiêu giảm nghèo của huyện và xã, thị trấn.

- Thực hiện các chính sách và giải pháp hỗ trợ giảm nghèo của huyện trong giai đoạn 2016-2020 được thực hiện theo hướng giảm dần từ trợ cấp chuyển sang tác động hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo an tâm, tổ chức sản xuất kinh doanh, cải thiện cuộc sống làm ăn tự vươn lên giảm nghèo. Mỗi một chính sách giảm nghèo có mục tiêu, nhiệm vụ, mục đích hỗ trợ cụ thể để tác động trực tiếp cho từng nhóm hộ nghèo và hộ cận nghèo (tránh trùng lặp, bỏ sót đối tượng); song song với các giải pháp hỗ trợ, tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người nghèo, hộ nghèo và hộ cận nghèo để chủ động tiếp cận các chính sách giảm nghèo phù hợp, tự vươn lên thoát nghèo, tránh trông chờ ỷ lại vào hỗ trợ của

nhà nước nhằm đảm bảo giảm nghèo toàn diện, bền vững theo phương pháp nghèo đa chiều.

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ về tốc độ giảm nghèo, tỷ lệ tăng giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo; mức độ tăng giảm của từng chiều nghèo; tác động và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của từng xã, thị trấn theo định kỳ năm và cả giai đoạn. Cụ thể:

+ Hộ nghèo nhóm 1: Vượt chuẩn nghèo thu nhập (trên 21 triệu đồng/người/năm) nhưng vẫn còn nghèo đa chiều (tổng số điểm thiếu hụt các chiều nghèo còn trên 40 điểm) thì chuyển những hộ này sang hộ nghèo nhóm 3 để theo dõi và tiếp tục hỗ trợ theo các chính sách hỗ trợ để giảm các chiều thiếu hụt; hoặc nếu hộ cùng một lúc vượt qua mức chuẩn thu nhập (trên 21 triệu đồng/người/năm) và có tổng số điểm các chiều nghèo giảm xuống dưới 40 điểm thì chuyển sang hộ cận nghèo.

+ Hộ nghèo nhóm 2: Thực hiện các chính sách và giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho từng hộ nghèo và thành viên hộ để nâng thu nhập, vượt chuẩn nghèo theo tiêu chí thu nhập, như hộ nghèo nhóm 1. Đồng thời, thực hiện các giải pháp hỗ trợ để tiếp tục cải thiện, giảm chiều nghèo đang còn thiếu hụt nhưng mức độ không cao (dưới 40 điểm) của các hộ này.

Khi hộ nghèo nhóm 2 đã vượt qua được chuẩn nghèo thu nhập thì chuyển sang hộ cận nghèo; hoặc nếu vượt mức thu nhập của hộ cận nghèo thì cắt giảm ra khỏi danh sách hộ nghèo của địa phương vào thời điểm kiểm tra hiệu quả cuối năm.

+ Hộ nghèo nhóm 3: Tác động các chính sách và giải pháp hỗ trợ trực tiếp vào các chiều nghèo đang thiếu hụt của hộ nghèo, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục đào tạo, việc làm, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế...; Đồng thời, thực hiện các chính sách hỗ trợ như: tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; miễn giảm thuế tạo môi trường thuận lợi để hộ nghèo tổ chức sản xuất làm ăn, cải thiện các nhu cầu xã hội cơ bản đang thiếu hụt của hộ.

. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thuyết phục nâng cao nhận thức của hộ và các thành viên trong hộ nghèo, chủ động tham gia tiếp cận các chính sách hỗ trợ để có thể khắc phục nhanh các nhu cầu cơ bản đang thiếu hụt theo điều kiện, khả năng của từng người nghèo, hộ nghèo.

. Tăng cường ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng về kinh tế kỹ thuật và xã hội đảm bảo cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho các xã, thị trấn có nhu cầu thiếu hụt của

người nghèo, hộ nghèo cao theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thường xuyên hàng năm.

. Đối với những hộ nghèo nhóm 1 chuyển sang nhóm 3, tiếp tục hỗ trợ các chính sách như hộ nghèo nhóm 1 trong 1 thời gian ít nhất là 1 năm. Hộ nghèo nhóm 3a, khi đã giảm các chiều thiếu hụt (dưới 40 điểm) nhưng vẫn chưa vượt được mức chuẩn thu nhập của hộ cận nghèo thì chuyển sang hộ cận nghèo. Hộ nghèo nhóm 3b, khi đã giảm các chiều thiếu hụt (dưới 40 điểm) và vượt mức chuẩn cận nghèo thì cắt giảm ra khỏi danh sách hộ nghèo của xã, thị trấn vào thời điểm kiểm tra hiệu quả giảm nghèo cuối năm.

+ Hộ cận nghèo: Thực hiện các chính sách tác động và giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho hộ cận nghèo và thành viên hộ để nâng cao thu nhập, vượt mức chuẩn cận nghèo (các chính sách hỗ trợ sẽ giảm về mức độ và tỷ lệ kinh phí hỗ trợ so với hộ nghèo). Song song với các giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản để giảm nhanh các chiều nghèo còn đang thiếu hụt của hộ.

. Khi hộ cận nghèo vượt được mức thu nhập trên 28 triệu đồng/người/năm thì cắt ra khỏi danh sách hộ cận nghèo của địa phương vào thời điểm kiểm tra hiệu quả giảm nghèo cuối năm.

. Hộ nghèo và hộ cận nghèo khi đã vượt mức chuẩn hộ cận nghèo được các xã, thị trấn lập danh sách riêng để tiếp tục theo dõi và được đảm bảo thực hiện các chính sách hỗ trợ theo diện hộ cận nghèo Thành phố 12 tháng để ổn định cuộc sống, không tái nghèo.

\* Thực hiện lồng ghép có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững với tái phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động:

- Phát triển sản xuất kinh doanh, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế gia đình phù hợp với ngành nghề và đặc thù của địa phương, góp phần giảm nghèo bền vững.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh đặc biệt trong lĩnh vực may mặc, chế biến, dịch vụ du lịch nhằm khai thác nguồn nhân lực địa phương, sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương để hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững.

- Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tổ chức tuyên truyền vận động lao động đi làm việc ở nước ngoài, đẩy mạnh công tác thông tin cập nhật về các chủ trương, chính sách pháp luật xuất khẩu lao động, thị trường lao động nước ngoài đến

trực tiếp với người lao động để họ tự lựa chọn công việc và thị trường làm việc phù hợp. Phân đấu hàng năm tạo việc làm tăng thêm cho 1.200 lao động, duy trì tỷ lệ lao động có việc làm trên lực lượng lao động đạt 95% vào năm 2020.

+ Rà soát các cơ sở có điều kiện khuyến khích mở rộng phát triển sản xuất, kinh doanh, nhằm hỗ trợ vay vốn quỹ giảm nghèo đầu tư thu hút lao động nghèo làm việc lâu dài; hỗ trợ phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động các dự án gia công hàng thủ công đang hoạt động tạo việc làm cho lao động nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện.

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định. Tư vấn, hướng nghiệp dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động nghèo, cận nghèo gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế của xã, thị trấn. Phối hợp giáo dục nghề nghiệp cho hộ cận nghèo gắn với giới thiệu và giải quyết việc làm tại các công ty, xí nghiệp và tại địa phương.

+ Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai xây dựng 2 cơ sở may trên địa bàn huyện Cần Giờ với quy mô giải quyết trên 3.000 lao động địa phương.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo nghề, liên kết giữa giáo dục và đào tạo nghề với thị trường lao động, với các tổ chức dịch vụ xúc tiến việc làm các khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố để vận động lao động nghèo, cận nghèo tham gia làm việc.

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề gắn với xuất khẩu lao động, tích cực vận động lao động nghèo làm việc thời vụ như chế biến hải sản, gia công, làm dịch vụ gia đình, phục vụ du lịch...

+ Phối hợp các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà đầu tư tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho lao động các ngành nghề sản xuất tại địa phương như: nghề may, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, ngành nghề phục vụ tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch ...

- Triển khai có hiệu quả các nguồn vốn vay ưu đãi: Vốn xóa đói giảm nghèo, Vốn giải quyết việc làm, Vốn Ngân hàng chính sách xã hội và vốn của các tổ chức tín dụng để hộ nghèo có điều kiện đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, kết hợp với việc hỗ trợ giải quyết ổn định đầu ra cho sản phẩm sản xuất dịch vụ, đảm bảo nguồn thu nhập cho người nghèo để thoát nghèo, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm hộ nghèo theo tiêu chí mới của thành phố. Phân đấu giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của Thành phố Hồ Chí Minh giảm từ 6 - 7%/năm.

\* Thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho nhân dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo như: Chính sách hỗ trợ Bảo hiểm xã hội cho người lao động thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe; chính sách hỗ trợ về giáo dục; chính sách hỗ trợ nhà ở; chính sách hỗ trợ giảm giá nước sinh hoạt; chính sách hỗ trợ tiếp cận thông tin; chính sách trợ giúp pháp lý và các chính sách hỗ trợ đảm bảo về an sinh xã hội.

- Ngoài chính sách hỗ trợ chung theo quy định, tiếp tục đẩy mạnh kêu gọi các tầng lớp nhân dân tương thân tương ái giúp đỡ cho đối tượng gặp nhiều khó khăn như: người già yếu, neo đơn, người khuyết tật... Tiếp tục phát động phong trào Đền ơn đáp nghĩa, phát triển Quỹ Đền ơn đáp nghĩa để chăm lo tốt hơn về đời sống cho các đối tượng chính sách ...

- Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, nếp sống tôn trọng pháp luật, kỷ cương, tác phong công nghiệp. Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” kết hợp với tổ chức thực hiện “Năm nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị”, hướng cuộc vận động về cơ sở, làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng công sở, từng gia đình, từng cá nhân. Phấn đấu đến năm 2020 có 85% gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa; giữ vững 100% khu phố văn hóa, ấp văn hóa; 100% xã, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, 6/6 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 100% xã, thị trấn có nhà văn hóa, thư viện và 90% cơ quan đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Tiếp tục huy động các nguồn đầu tư xây dựng hệ thống hoàn chỉnh thiết chế văn hóa xã.

#### **4. Giải pháp thực hiện.**

##### ***4.1. Giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động:***

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong tổ chức triển khai thực hiện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện Đề án.

- Quán triệt trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện gắn với thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

- Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước. Phổ biến, triển khai các cơ chế, chính sách đến các thành phần kinh tế để tham gia đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội huyện Cần Giờ; các chủ trương, chính sách,

pháp luật của Nhà nước có liên quan đến Chương trình giảm nghèo bền vững, tuyên truyền vận động nhân dân ý thức vươn lên làm giàu chính đáng.

- Tuyên truyền, khuyến khích, kêu gọi các thành phần kinh tế triển khai các dự án đầu tư, góp phần phát triển kinh tế, giải quyết việc làm và giảm nghèo cho người dân huyện Cần Giờ. lao động nông thôn.

#### ***4.2. Giải pháp về quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:***

- Tiếp tục tổ chức công bố, công khai, triển khai thực hiện quy hoạch làm cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư dự án phát triển huyện Cần Giờ; tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch theo đúng quy định.

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh các quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã; quy hoạch phân khu các khu dân cư...

- Phối hợp xây dựng triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, các quy hoạch ngành, sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế.

- Khai thác có hiệu quả các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội; đồng thời rà soát, đầu tư mới các công trình trọng điểm, thiết yếu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, tránh thất thoát, lãng phí việc sử dụng nguồn vốn này, đồng thời tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong nước để bảo đảm huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nhà nước; đẩy mạnh công tác giám sát cộng đồng vào quá trình chuẩn bị đầu tư, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công để quản lý và sử dụng nguồn vốn nhà nước một cách công khai, minh bạch, tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí và tham nhũng.

#### ***4.3. Giải pháp về kỹ thuật:***

- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến ngư; nghiên cứu, phát triển các đối tượng, mô hình sản xuất mới, ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao để tăng năng suất, hiệu quả; phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết, vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Quản lý chặt chẽ vùng sản xuất, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hạn chế thiệt hại, rủi ro trong sản xuất.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao tay nghề cho nông dân về kỹ thuật sản xuất. Xây dựng mô hình thí điểm, trình diễn phương pháp sản xuất tiên tiến để triển khai nhân rộng và chuyển giao quy trình sản xuất cho người dân.

- Tổ chức cho nông dân tham quan, khảo sát học tập các mô hình sản xuất muối tiên tiến, các làng nghề trong và ngoài Thành phố.

#### ***4.4. Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn:***

- Triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện có hiệu quả Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn. Phân đầu đến cuối năm 2020 có trên 90% lao động qua đào tạo nghề. Gắn kết doanh nghiệp trong các nội dung đào tạo theo yêu cầu thực tế; gắn đào tạo với giải quyết việc làm. Huy động chuyên gia kỹ thuật tham gia đào tạo, chuyển giao công nghệ.

- Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề, tăng cường hợp tác, liên kết các doanh nghiệp trong đào tạo nghề cho lao động, đặc biệt là các cơ sở may mặc, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu phát triển của huyện.

#### ***4.5. Giải pháp về đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước:***

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

- Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực, tạo môi trường thuận lợi nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư; cải cách thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các ngành, các cấp và trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

- Ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân huyện, các



xã, thị trấn; triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình khung do Nhà nước quy định.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức có trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, không ngừng đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát huy dân chủ ở cơ sở; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh từ ở cơ sở đến huyện. Định kỳ tổ chức đối thoại giữa chính quyền với cộng đồng doanh nghiệp và dân cư.

#### ***4.6. Giải pháp cơ chế chính sách:***

- Triển khai thực hiện có hiệu quả và vận dụng linh hoạt các chính sách hỗ trợ của nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; chính sách phát triển kinh tế biển; chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị của Thành phố; chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chính sách về giảm nghèo gắn với các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

- Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế, trong đó, nguồn lực từ ngân sách Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu; nguồn lực từ các thành phần kinh tế và nguồn vốn tín dụng tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Cụ thể:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước (chủ yếu đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2016 - 2020).

+ Kinh phí ngoài ngân sách từ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, như vốn tín dụng, vốn dân, doanh nghiệp.

- Rà soát, kiến nghị Thành phố cơ chế chính sách đặc thù huyện Cần Giờ.

#### ***4.7. Giải pháp phát triển kinh tế tập thể:***

- Thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 05 tháng 6 năm 2013 của Ban Thường vụ Thành ủy về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX và Kết luận số 56-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

- Vận dụng các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện các loại hình kinh tế hợp tác, liên kết trong sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức củng cố xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình kinh tế trang trại, các tổ hợp tác, hợp tác xã.

---

- Thành lập mới ít nhất 3 hợp tác xã tiên tiến, hiện đại trong lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ, chế biến; trong đó chú trọng phát triển các hợp tác xã chế biến (muối, thủy sản)/.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**